

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Phạm Văn Thành

- Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, thông báo dời lịch xét xử số 26/2021/TB-TA và thông báo mở lại phiên tòa số 29/TB-TA ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1991;

HKTT: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai đối chất, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Tấn P tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2018 ngày 13/6/2018. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh P đi làm thu nhập không ổn định còn chị thì mang thai và nuôi con nhỏ. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung: Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/6/2019. Hiện nay, cháu Tấn Đ đang sống với chị T.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu: Xin ly hôn; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tấn Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày: Anh thống nhất với toàn bộ phần trình bày của chị T về cơ sở kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; về con chung: anh đồng ý giao cháu Tấn Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị T ly hôn anh P; giao cháu Tấn Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn P và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Vũ Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn P nên chị T là nguyên đơn, còn anh P là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh P và chị T kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét quan hệ hôn nhân của anh chị nhận thấy: Cả anh chị đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh P đi làm thu nhập không ổn định còn chị T thì mang thai và nuôi con nhỏ nên mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận cho chị T và anh P thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: chị T và anh P thống nhất giao cháu Tấn Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và anh P cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Tấn P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/6/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Nguyễn Tấn P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh P, chị T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009350 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung